

# HẠN CHẾ CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ NÔNG NGHIỆP CÁC BON THẤP VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN<sup>1</sup>

VŨ THỊ DUYÊN THUY<sup>\*</sup>

**Tóm tắt:** Nông nghiệp các bon thấp là mô hình sản xuất nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Tại Việt Nam, phát triển nông nghiệp các bon thấp hết sức cần thiết nhưng hoạt động này đang phải đối mặt với không ít khó khăn, bao gồm cả những rào cản và khoảng trống pháp lý. Bài viết đánh giá những hạn chế của pháp luật Việt Nam hiện hành về nông nghiệp các bon thấp và đề xuất một số khuyến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững gắn với các mục tiêu khí hậu của Việt Nam nói riêng và của thế giới nói chung.

**Từ khoá:** Nông nghiệp các bon thấp; khí nhà kính; pháp luật; biến đổi khí hậu

Nhận bài: 10/9/2025

Hoàn thành biên tập: 30/3/2026

Duyệt đăng: 30/3/2026

## LIMITATIONS OF VIETNAM'S LEGAL FRAMEWORK ON LOW-CARBON AGRICULTURE AND SOME SOLUTIONS FOR IMPROVEMENT

**Abstract:** Low-carbon agriculture represents a model of agricultural production that plays a crucial role in both climate change adaptation and mitigation. In Vietnam, the development of low-carbon agriculture is of utmost necessity; however, this endeavor currently faces numerous challenges, including legal barriers and regulatory gaps. This article assesses several limitations within the existing Vietnamese legal framework on low-carbon agriculture and offers recommendations for legal reform, with a view to ensuring sustainable agricultural development in line with Vietnam's climate objectives in particular and global climate goals in general.

**Keywords:** Low-carbon agriculture; greenhouse gases; law; climate change

Received: 10 September 2025; Editing completed: 30 March 2026; Accepted for publication: 30 March 2026

### 1. Đặt vấn đề

Các hoạt động nông nghiệp đã và đang là nguồn phát thải khí nhà kính không nhỏ, góp phần làm gia tăng biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh đó, nông nghiệp các bon

thấp, một mô hình sản xuất áp dụng các biện pháp giảm phát thải, tăng cường hấp thụ, lưu trữ các bon được xem là sự lựa chọn thông minh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế xanh. Thực tiễn tại Việt Nam, nông nghiệp các bon thấp hiện mới ở giai đoạn khởi đầu, chủ yếu chỉ dừng lại ở mức thí điểm và lồng ghép trong một số chương trình như nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu hay giảm phát thải trong trồng lúa.

**\* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội  
E-mail: thuyvtd@hlu.edu.vn**

<sup>1</sup> Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài khoa học cấp cơ sở “Pháp luật môi trường và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hướng tới mục tiêu Net Zero của Việt Nam”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2025 - 2026.

Trên phương diện pháp lí, pháp luật về nông nghiệp các bon thấp, mặc dù đã có những bước tiến quan trọng với việc ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cùng các nghị định hướng dẫn thi hành nhưng vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định, cụ thể: Quy định đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính chưa hợp lí; quy định về ưu đãi, hỗ trợ thực hiện nông nghiệp các bon thấp thiếu cụ thể; thiếu các quy định kĩ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định khí nhà kính phù hợp cho ngành nông nghiệp; chưa đảm bảo sự gắn kết giữa sinh kế bền vững của nông dân/hợp tác xã với phát triển nông nghiệp các bon thấp. Những hạn chế này phần nào làm cản trở những nỗ lực giảm nhẹ khí nhà kính trong sản xuất kinh doanh nói chung và trong sản xuất nông nghiệp nói riêng. Nó đòi hỏi cần sớm triển khai những giải pháp hoàn thiện pháp luật về nông nghiệp các bon thấp, không chỉ nhằm thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính mà còn bảo đảm sinh kế bền vững cho nông dân.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành, kết hợp giữa khoa học pháp lí, khoa học môi trường và khoa học kĩ thuật nông nghiệp nhằm phân tích toàn diện khung pháp luật về nông nghiệp các bon thấp tại Việt Nam. Các phương pháp cụ thể bao gồm: phân tích, tổng hợp quy phạm pháp luật hiện hành và đánh giá định tính việc thực thi thông qua tài liệu thứ cấp. Đồng thời, nghiên cứu này cũng vận dụng phương pháp hệ thống-cấu trúc để làm rõ mối quan hệ giữa quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn thực hiện, qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

## **2. Khái quát về nông nghiệp các bon thấp và pháp luật Việt Nam về nông nghiệp các bon thấp**

### *2.1. Khái quát về nông nghiệp các bon thấp*

Nông nghiệp các bon thấp (Low-carbon agriculture) được hiểu là mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại được thực hiện trên cơ sở áp dụng các biện pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường hấp thụ và lưu trữ các-bon gắn với đảm bảo sinh kế bền vững. Nói cách khác, nông nghiệp các bon thấp bao gồm một hệ thống các phương pháp canh tác và quản lí nhằm giảm lượng phát thải khí nhà kính trên mỗi đơn vị sản lượng, đồng thời duy trì an ninh lương thực và sinh kế cho nông dân. Nông nghiệp các bon thấp được thực hiện trên cơ sở gắn kết các biện pháp giảm phát thải với các chiến lược tăng cường khả năng cô lập các bon trong đất và sinh khối, được bảo đảm bởi các hệ thống đo lường, báo cáo và thẩm định chặt chẽ<sup>1</sup>. Điều đó có nghĩa, nông nghiệp các bon thấp đòi hỏi sự kết hợp hài hoà giữa các yếu tố kĩ thuật, quản lí và thể chế, nhằm giảm thiểu lượng khí thải nhà kính song song với việc đảm bảo năng suất nông nghiệp.

Với cách làm đó, trong thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, nông nghiệp các bon thấp giữ vai trò then chốt do nó tạo được “hiệu ứng kép”. Một mặt, mô hình nông nghiệp này giúp cắt giảm phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp (chủ yếu là CH<sub>4</sub> và N<sub>2</sub>O từ các ruộng lúa, dạ cỏ và quá trình sử dụng phân đạm). Mặt khác, nó làm gia tăng

<sup>1</sup> Norse, D. (2012), *Low-carbon agriculture: Objectives and policy pathways*, Agricultural & Food Security/ Environmental Development, tr. 25 - 39.

hấp thụ các bon trong đất và sinh khối, qua đó đóng góp trực tiếp cho mục tiêu trung hòa các bon, tăng cường khả năng chống chịu của cây trồng. Thực tế cho thấy, việc sử dụng đất và tiến hành các hoạt động nông nghiệp vừa là nguồn phát thải đáng kể (khoảng 13% đến 21% lượng phát thải từ các hoạt động của con người), song lại vừa cung cấp tiềm năng giảm nhẹ khí nhà kính lớn nếu các biện pháp canh tác nông nghiệp được triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện tự nhiên và xã hội cụ thể<sup>2</sup>. Về phương diện kỹ thuật, nông nghiệp các bon thấp tương đồng cách tiếp cận về “nông nghiệp thông minh với khí hậu” (Climate-Smart Agriculture). Theo đó, hoạt động nông nghiệp được triển khai trên cơ sở ba trụ cột là: tăng năng suất bền vững; thích ứng và tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu; giảm hoặc loại bỏ phát thải khí nhà kính. Điều đó cho phép tối ưu hoá đồng thời mục tiêu an ninh lương thực và mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tóm lại, nông nghiệp các bon thấp không chỉ đơn thuần là vấn đề kỹ thuật mà nó cần sự liên kết đổi mới công nghệ, chuẩn kỹ thuật, công cụ kinh tế, cơ chế thị trường và cơ sở pháp lý đồng bộ để biến nông nghiệp thành hoạt động đa mục đích, vừa giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, vừa thích ứng với biến đổi khí hậu, vừa đảm bảo sinh kế, qua đó đóng góp tích cực cho mục tiêu Net Zero (phát thải ròng bằng 0) và phát triển bền vững.

<sup>2</sup> UNFCCC, *Land use, land-use change and forestry (LULUCF)*, <https://unfccc.int/topics/land-use/workstreams/land-use--land-use-change-and-forestry-lulucf>, truy cập 16/10/2025.

## 2.2. Khái quát pháp luật Việt Nam về nông nghiệp các bon thấp

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của phát triển nông nghiệp các bon thấp, ngày 01/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chiến lược này đề cập rõ vấn đề phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp các bon thấp, thúc đẩy đổi mới công nghệ, tài chính xanh và cơ chế tín chỉ các bon trong lĩnh vực nông nghiệp. Tiếp đó, ngày 22/7/2022, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 882/QĐ-TTg đã cụ thể hoá các mục tiêu chiến lược, tạo cơ sở triển khai thống nhất trên thực tiễn. Cùng với đó, để nâng cao hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu, ngày 26/7/2022, bằng Quyết định số 896/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050, xác định cụ thể mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao năng lực thích ứng theo từng ngành, lĩnh vực. Văn bản này có ý nghĩa quan trọng, đóng vai trò định hướng cho lộ trình chuyển đổi của lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam.

Thực hiện các chiến lược nêu trên, hệ thống văn bản pháp luật về lĩnh vực này cũng không ngừng được xây dựng và hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc triển khai các hoạt động nông nghiệp theo mô hình nông nghiệp các bon thấp. Điều chỉnh chung về giảm nhẹ khí nhà kính, có thể kể đến Luật Bảo vệ môi trường năm

2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Theo đó, trách nhiệm kiểm kê khí nhà kính, tổ chức phát triển thị trường các bon trong nước đã được quy định, tạo nền tảng pháp lý để các ngành, trong đó có ngành nông nghiệp chuyển đổi theo hướng phát thải thấp. Đặc biệt, với việc Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, những vấn đề liên quan đến kiểm kê, phân bổ hạn ngạch phát thải, cơ chế bù trừ tín chỉ các-bon và lộ trình hình thành sàn giao dịch các bon đã được điều chỉnh. Đây là công cụ pháp lý giữ vai trò khá quan trọng, chi phối các hoạt động nông nghiệp có phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính. Qua một thời gian áp dụng, các quy định này đã bộc lộ một số điểm hạn chế, song chúng đã được khắc phục phần nào khi ngày 15/5/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2022/NĐ-CP. Văn bản này đã tạo hành lang pháp lý rõ ràng hơn cho giao dịch tín chỉ các bon hoặc đơn vị giảm phát thải, trong đó khu vực nông nghiệp để có thể đóng góp vào việc giảm phát thải khí mê-tan ( $CH_4$ ), nitơ oxit ( $N_2O$ ) và tăng hấp thụ các bon. Bên cạnh các văn bản nêu trên, để đảm bảo tính đồng bộ, ngày 01/4/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg về danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê và

giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cùng các địa phương rà soát, cập nhật hàng năm. Đây cũng là một trong những căn cứ pháp lý quan trọng ràng buộc các cơ sở nông nghiệp quy mô lớn thực hiện kiểm kê khí nhà kính, tạo nền tảng cho việc phân bổ hạn ngạch và tham gia thị trường các bon.

Như vậy, có thể thấy hệ thống quy phạm pháp luật về nông nghiệp các bon thấp tại Việt Nam trong thời gian qua đã được xây dựng, triển khai và không ngừng hoàn thiện nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hướng giảm phát thải khí nhà kính, qua đó góp phần hiện thực hoá các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu của Việt Nam. Tuy nhiên, các quy định này vẫn bộc lộ một số hạn chế cần sớm khắc phục.

### **3. Một số hạn chế của pháp luật Việt Nam về nông nghiệp các bon thấp**

#### *3.1. Quy định đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính chưa hợp lý*

Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg. Danh mục này chủ yếu tập trung vào những cơ sở phát thải quy mô lớn trong công nghiệp, năng lượng, giao thông và một phần nông, lâm nghiệp. Cụ thể, cơ sở thuộc danh mục kiểm kê khí nhà kính là cơ sở có tổng lượng phát thải hằng năm từ 3.000 tCO<sub>2e</sub> trở lên, hoặc thuộc lĩnh vực có tiềm năng phát thải cao do Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định. Vì vậy,

một nông hộ nhỏ lẻ (canh tác vài sào ruộng hoặc chăn nuôi nhỏ) không đạt ngưỡng phát thải khí nhà kính là 3.000 tCO<sub>2</sub>e/năm nên sẽ không bắt buộc phải kiểm kê.

Điều đó cũng đồng nghĩa với việc các quy định về đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính hiện hành chưa thực sự phù hợp với đặc thù nông nghiệp Việt Nam, khi nguồn phát thải trong lĩnh vực này tuy mang tính phân tán, nhỏ lẻ nhưng tổng lượng phát thải lại không hề nhỏ. Thực tế tại Việt Nam cho thấy, cùng quy mô hộ gia đình, song lượng phát thải khí nhà kính từ hoạt động trồng lúa vượt xa lượng phát thải sinh hoạt trung bình của hộ gia đình. Chẳng hạn, lượng phát thải từ ruộng lúa tại đồng bằng sông Hồng đạt khoảng 11,4 tCO<sub>2</sub>e/ha/vụ, trong đó CH<sub>4</sub> chiếm tới 84% tổng phát thải, chủ yếu phát sinh từ quá trình phân hủy yếm khí trong đất ngập nước<sup>3</sup>. Trong khi đó, phát thải trung bình từ tiêu dùng sinh hoạt của hộ gia đình (bao gồm điện, nước, nhà ở và phương tiện đi lại) chỉ khoảng 6-7 tCO<sub>2</sub>e/năm/hộ<sup>4</sup>. Như vậy, một hộ nông dân trồng 1 ha lúa theo phương thức truyền thống phát thải lượng khí nhà kính gấp nhiều lần tổng lượng phát thải sinh hoạt của một hộ gia đình trung bình.

Hạn chế này sẽ dẫn đến một số hệ lụy sau:

*Thứ nhất*, khó đảm bảo tính chính xác

trong kiểm kê khí nhà kính quốc gia. Do đặc thù của một nước nông nghiệp, các hoạt động nông nghiệp của hộ gia đình nhỏ vốn là nguồn phát thải khí nhà kính đáng kể, đặc biệt là khí mê-tan từ canh tác lúa nước và chất thải chăn nuôi, cũng như khí nitơ oxit từ sử dụng phân bón hoá học. Khi nhóm này không thuộc diện bắt buộc phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thì lượng phát thải thực tế từ nông nghiệp có nguy cơ bị đánh giá thấp hơn so với phát thải thực tế.

*Thứ hai*, việc loại trừ nông hộ khỏi danh mục kiểm kê khí nhà kính cũng đồng nghĩa với việc các nỗ lực giảm phát thải từ họ như áp dụng biện pháp tưới ngập khô xen kẽ, sử dụng phân hữu cơ hay phát triển mô hình chăn nuôi tuần hoàn sẽ không được ghi nhận trong hệ thống thống kê quốc gia. Điều này làm mất đi cơ hội chuyển đổi các hoạt động giảm phát thải ở quy mô nông thôn thành tín chỉ các bon có giá trị thương mại, qua đó làm hạn chế khả năng tham gia thị trường các bon trong nước và quốc tế của các chủ thể này.

*3.2. Quy định về ưu đãi, hỗ trợ thực hiện nông nghiệp các bon thấp thiểu cụ thể*

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã dành bốn điều, từ Điều 149 đến Điều 152 Chương XIII để quy định về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường. Theo đó, các hình thức ưu đãi như miễn, giảm thuế, hỗ trợ lãi suất vay vốn, trợ giá sản phẩm thân thiện môi trường; vai trò của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong việc cung cấp tín dụng ưu đãi... đã được quy định. Tuy nhiên, không quá khó để nhận thấy điểm hạn chế của các quy định này là chỉ điều chỉnh mang

<sup>3</sup> Nguyen, T. H. et al. (2025), *A Survey-Based Emission Inventory of Greenhouse Gases Released from Rice Production on Consolidated Land in the Red River Delta of Vietnam*. *Atmosphere*, 16(7), 794, <https://doi.org/10.3390/atmos16070794>

<sup>4</sup> Pham, Q. A. & Nguyen, T. T. (2025), *Determinants of Household Carbon Emissions: An Empirical Study in Vietnam*. *SAGE Open*, <https://doi.org/10.1177/21582440251359417>

tính nguyên tắc chung, áp dụng cho mọi lĩnh vực bảo vệ môi trường mà chưa xác định tiêu chí cụ thể cho nông nghiệp các bon thấp. Hệ quả là chính sách tài chính xanh và cơ chế thị trường các bon khó có thể được áp dụng tại các vùng nông thôn, nơi có tiềm năng giảm phát thải lớn nhưng lại thiếu nguồn lực đầu tư. Nói cách khác, hạn chế này của pháp luật hiện hành đã vô tình tạo ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước. Các doanh nghiệp và cơ sở phát thải lớn có nhiều cơ hội tham gia thị trường các bon cũng như hưởng lợi từ việc chuyển nhượng tín chỉ các bon. Ngược lại, lực lượng trực tiếp sử dụng đất, tiến hành các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi là nông dân và hợp tác xã lại phải đứng ngoài cuộc bởi khoảng trống pháp lí. Thực tế đó phần nào làm suy giảm hiệu quả tổng thể của chiến lược giảm phát thải quốc gia và cản trở quá trình hiện thực hoá mục tiêu phát triển nông nghiệp các bon thấp bền vững. Khi nông dân áp dụng biện pháp giảm phát thải với chi phí cao nhưng không được hỗ trợ, họ sẽ mất động lực thay đổi tập quán sản xuất theo hướng thân thiện hơn với môi trường.

3.3. *Thiếu các quy định hướng dẫn kĩ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) khí nhà kính phù hợp cho nông nghiệp các bon thấp*

Nghị định số 06/2022/NĐ-CP đã thiết lập một hệ thống MRV tổng thể, trong đó các bộ, ngành được giao trách nhiệm xây dựng quy trình kĩ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định theo từng lĩnh vực quản lí, song lại thiếu các hướng dẫn chi tiết cho từng phân ngành cụ thể, đặc biệt là trồng lúa. Về vấn đề này, hiện

mới chỉ có một văn bản hướng dẫn riêng là Thông tư số 19/2024/TT-BNNPTNT ngày 22/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kĩ thuật MRV trong lĩnh vực chăn nuôi. Điều đó có nghĩa, các văn bản pháp luật trong lĩnh vực này mới chỉ bao phủ một phân ngành, trong khi lĩnh vực có mức phát thải cao như trồng lúa (nguồn phát thải CH<sub>4</sub> lớn nhất trong nông nghiệp) lại chưa có hướng dẫn pháp lí cụ thể. Nó cho thấy, dù đã có khởi đầu nhưng hệ thống pháp luật hiện hành vẫn chưa đủ để bao quát toàn bộ đặc thù của ngành nông nghiệp tại Việt Nam.

Trên thế giới, các nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra rằng, nông nghiệp là lĩnh vực phát thải phân tán, nhỏ lẻ, chủ yếu đến từ các hộ gia đình và hợp tác xã, nên việc đo lường, báo cáo và thẩm định gặp nhiều khó khăn; việc vận hành thị trường các bon trong nông nghiệp đòi hỏi hệ thống MRV phải được thiết kế riêng, với bộ hệ số phát thải phù hợp cho từng phân ngành như trồng lúa, chăn nuôi hoặc quản lí phân bón<sup>5</sup>. Ở Việt Nam, các số liệu thực tế thời gian qua cho thấy, trồng lúa chiếm trên 50% lượng phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông nghiệp<sup>6</sup>. Để giải quyết tình trạng đó, Quyết định số

<sup>5</sup> Lipper, L., & Zilberman, D. (2018), *Climate Smart Agriculture: Building Resilience to Climate Change*, Springer, tr. 50 - 52.

<sup>6</sup> Hai Van, D. T., Oanh, N. T. K., Yen, N. T. B. (2025), *A Survey-Based Emission Inventory of Greenhouse Gases Released from Rice Production on Consolidated Land in the Red River Delta of Vietnam*. Atmosphere, 16(7), 794. doi:10.3390/atmos16070794

1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã chính thức phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” nhằm thí điểm áp dụng MRV cho canh tác lúa gạo<sup>7</sup>. Tuy nhiên, đến thời điểm 2025, MRV cho lúa vẫn chỉ dừng ở mức thí điểm, thiếu văn bản pháp lý quy định cụ thể về hệ số phát thải, phương pháp đo đạc và báo cáo theo chuẩn quốc gia.

Hệ quả của tình trạng này là dữ liệu phát thải từ nông nghiệp hiện còn phân tán, thiếu tính chuẩn hoá, khó kiểm chứng và khó tích hợp vào hệ thống báo cáo quốc gia. Thực tế đó làm suy giảm độ tin cậy của kết quả giảm phát thải, đồng thời hạn chế khả năng chuyển đổi thành tín chỉ các bon có giá trị thương mại trên thị trường trong nước và quốc tế. Tín chỉ các bon nông nghiệp sẽ bị định giá thấp, làm giảm động lực tham gia của nông dân và doanh nghiệp vào nỗ lực giảm nhẹ khí nhà kính, cản trở quá trình triển khai nông nghiệp các bon thấp một cách toàn diện và hiệu quả.

### *3.4. Chưa đảm bảo sự gắn kết giữa sinh kế bền vững của nông dân/hợp tác xã với phát triển nông nghiệp các bon thấp*

Một trong những hạn chế khác của pháp luật Việt Nam về nông nghiệp các bon thấp là

chưa đảm bảo sự gắn kết giữa mục tiêu giảm phát thải và sinh kế bền vững của nông dân. Như đã đề cập ở các nội dung trên, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP đã đặt nền móng cho việc kiểm kê khí nhà kính, phân bổ hạn ngạch và vận hành thị trường các bon, song các quy định này chủ yếu hướng tới cơ sở phát thải quy mô lớn và chưa thiết kế cơ chế hỗ trợ tài chính hay ưu đãi thuế trực tiếp cho hộ nông dân và hợp tác xã, những chủ thể sản xuất chiếm đa số trong nông nghiệp. Tương tự, Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg về danh mục cơ sở phát thải phải kiểm kê đã bỏ sót nhóm nông hộ nhỏ lẻ, khiến nỗ lực giảm phát thải tại nông thôn không được ghi nhận và không thể chuyển hoá thành tín chỉ các bon có giá trị thương mại. Thêm vào đó, việc thiếu các quy định pháp lý ràng buộc về chia sẻ lợi ích từ tín chỉ các bon, điều kiện quan trọng để nông dân thụ hưởng công bằng từ tín chỉ được tạo trên đất canh tác của họ là quyền tài sản gắn với lợi ích các bon vẫn còn bỏ ngõ. Thực tế ở Việt Nam, nghiên cứu tại tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) cho thấy các biện pháp canh tác như chọn giống ngắn ngày, điều chỉnh quản lý nước và phân bón có thể giảm phát thải khí nhà kính từ lúa nước một cách khá hiệu quả, nếu được hỗ trợ kỹ thuật và tài chính phù hợp<sup>8</sup>. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành vẫn

<sup>7</sup> Bộ Công thương (2023), *Phát triển bền vững một triệu ha lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/phat-trien-ben-vung-mot-trieu-hec-ta-chuyen-canhh-lua-chat-luong-cao-va-phat-thai-thap-gan-voi-tang-truong-xanh-vung-dong.html>, truy cập 26/8/2025.

<sup>8</sup> Chu Sỹ Huân & Mai Văn Trịnh (2018), “Nghiên cứu khả năng giảm phát thải khí nhà kính ruộng lúa theo một số biện pháp canh tác tại tỉnh Thái Bình”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, số 09 (94), tr. 83 - 90.

thiếu các cơ chế cụ thể để chuyển những tiềm năng này thành lợi ích sinh kế trực tiếp cho nông dân.

Từ những phân tích trên, có thể thấy pháp luật về nông nghiệp các bon thấp ở nước ta mới chỉ dừng lại ở mức khái quát, chưa tạo động lực thực chất để nông dân và hợp tác xã tham gia vào tiến trình giảm phát thải. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có sự sửa đổi và bổ sung các quy định còn thiếu hoặc chưa phù hợp để lấp đầy những khoảng trống pháp lí và bảo đảm tính khả thi, công bằng trong thực tiễn triển khai.

#### **4. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về nông nghiệp các bon thấp**

Để khắc phục những hạn chế của pháp luật về nông nghiệp các bon thấp, cần triển khai một hệ thống giải pháp đồng bộ và toàn diện. Trước hết, đối tượng kiểm kê khí nhà kính cần được mở rộng tới hộ nông dân và hợp tác xã nhằm phản ánh đúng thực tiễn phát thải phân tán từ hoạt động của các chủ thể này. Bên cạnh đó, cơ chế ưu đãi và hỗ trợ phải được thiết kế đặc thù cho khu vực nông nghiệp các bon thấp với các công cụ tài chính phù hợp; hệ thống MRV áp dụng trong nông nghiệp cũng cần được chuẩn hoá để bảo đảm tính minh bạch. Thêm vào đó, các quy định pháp luật cần sửa đổi để đảm bảo sự gắn kết mục tiêu giảm phát thải trong nông nghiệp với việc cải thiện sinh kế bền vững cho nông dân. Cụ thể như sau:

*4.1. Hoàn thiện các quy định về đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trong lĩnh vực nông nghiệp*

Liên quan đến nông nghiệp các bon thấp,

để khắc phục những hạn chế trong quy định về đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo hướng phù hợp điều kiện Việt Nam, cần phải thay đổi cách tiếp cận. Theo đó, cần chuyển từ cách tiếp cận liệt kê cơ sở quy mô lớn như hiện nay sang cách tiếp cận dựa trên đánh giá rủi ro và sự đóng góp vào tổng lượng phát thải trong nông nghiệp. Cách tiếp cận này sẽ khắc phục bất cập hiện nay, khi các quy định pháp luật mới chỉ tập trung vào cơ sở phát thải quy mô lớn mà bỏ sót nguồn phát thải phân tán từ nông hộ và các hợp tác xã như đã phân tích ở trên. Vì vậy, nên mở rộng đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo mô hình hai tầng là tầng bắt buộc và tầng lấy mẫu.

Đối với tầng bắt buộc: Nhóm đối tượng thuộc tầng này sẽ bị áp dụng quy định bắt buộc phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, bao gồm các trang trại hoặc doanh nghiệp nông nghiệp có quy mô sản xuất vượt ngưỡng kĩ thuật do Chính phủ quy định. Như vậy, chỉ những cơ sở có mức phát thải lớn, ổn định mới phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính hàng năm, đảm bảo hiệu quả quản lí nhưng không tạo gánh nặng quá lớn cho bộ máy hành chính. Với các đối tượng này, việc xác định ngưỡng kĩ thuật có thể dựa trên diện tích đất canh tác, số lượng vật nuôi hoặc khối lượng sản phẩm đầu ra (hiện nay Việt Nam đã quy định và đang thực hiện kiểm kê khí nhà kính bắt buộc đối với nhóm này).

Đối với nhóm thuộc tầng lấy mẫu: Nhóm này sẽ bao gồm các hộ nông dân nhỏ lẻ thông qua hợp tác xã hoặc tiểu vùng sinh thái có ý nghĩa quyết định trong việc phản

ánh bức tranh phát thải toàn diện của ngành nông nghiệp. Bởi lẽ, với cấu trúc sản xuất nông nghiệp đặc thù của Việt Nam, khi hơn 70% hộ nông dân tiến hành các hoạt động nông nghiệp có quy mô sản xuất nhỏ<sup>9</sup> thì việc yêu cầu từng hộ thực hiện kiểm kê riêng là không khả thi nhưng không phải là không cần thiết. Trong bối cảnh đó, mô hình hai tầng vừa đảm bảo tính toàn diện khi bao phủ cả khu vực phát thải lớn và phát thải nhỏ, vừa duy trì tính khả thi khi không buộc từng nông hộ phải tham gia trực tiếp vào quá trình kiểm kê phức tạp và tốn kém. Thêm vào đó, cách tiếp cận này còn tạo điều kiện cho hợp tác xã trở thành các đầu mối kiểm kê khí nhà kính, không chỉ giảm gánh nặng cho từng hộ nông dân mà còn nâng cao vai trò tổ chức trung gian trong thu thập và chuẩn hoá dữ liệu, đảm bảo gắn kết trách nhiệm môi trường với lợi ích kinh tế thông qua cơ chế tín chỉ các bon. Về lâu dài, mô hình này cũng giúp Việt Nam hội nhập thuận lợi hơn với các chuẩn mực quốc tế về báo cáo giảm phát thải, nâng cao uy tín trong đàm phán khí hậu và tăng khả năng tiếp cận nguồn tài chính xanh. Việc mở rộng đối tượng thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo mô hình hai tầng không chỉ là một giải pháp kỹ thuật, mà còn là một chiến lược thể chế nhằm gắn kết nông hộ nhỏ vào quá trình chuyển đổi xanh của nông nghiệp, bảo đảm tính công bằng, minh bạch và hiệu quả của pháp luật về nông nghiệp các bon thấp.

<sup>9</sup> Nguyễn Quang Tuyên, Trần Đức Thịnh (2019), “Sử dụng đất manh mún - rào cản trong tiếp cận đất đai và sự phát triển của thị trường bất động sản nông nghiệp”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 7, tr. 31 - 37.

#### 4.2. Hoàn thiện các quy định về ưu đãi, hỗ trợ thực hiện nông nghiệp các bon thấp

Các quy định về ưu đãi, hỗ trợ rõ ràng và phù hợp là một trong những điều kiện tiên quyết để khuyến khích nông dân và doanh nghiệp chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang mô hình nông nghiệp các bon thấp. Bởi lẽ, nông nghiệp các bon thấp thường đòi hỏi đầu tư ban đầu lớn, áp dụng công nghệ mới như canh tác tiết kiệm nước, phân bón hữu cơ hay chăn nuôi tuần hoàn. Nếu thiếu sự hỗ trợ từ Nhà nước, phần lớn hộ sản xuất nhỏ sẽ khó có khả năng tham gia. Vì vậy, việc quy định cụ thể các ưu đãi, hỗ trợ tài chính như tín dụng xanh với lãi suất thấp, miễn giảm thuế cho doanh nghiệp... sẽ không chỉ tạo động lực kinh tế mà còn giúp hình thành thị trường sản xuất nông nghiệp bền vững. Để làm được điều đó, các quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực này nên được hoàn thiện như sau:

*Một là*, ngoài việc sửa đổi quy định về đối tượng kiểm kê khí nhà kính như đã phân tích ở trên để đảm bảo sự bình đẳng cho nông dân và các hợp tác xã trong tiếp cận những ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước, rất cần bổ sung các quy định về miễn, giảm thuế, ưu đãi thuế suất cho nông nghiệp các bon thấp. Chẳng hạn, vấn đề ưu đãi hoặc miễn, giảm thuế đối với các dự án sử dụng phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ hoặc năng lượng sinh học. Nếu phụ phẩm nông nghiệp như rơm rạ, phân gia súc được đốt ngoài đồng hoặc xả thải trực tiếp sẽ phát thải ra môi trường một lượng đáng kể khí mêtan và nitrous oxide. Ngược lại, khi được thu gom và tái chế thành các sản phẩm hữu ích

như phân bón hữu cơ, khí sinh học (biogas) hay điện sinh khối, lượng phát thải này có thể được giảm thiểu một cách đáng kể. Với lợi ích đó, trong trường hợp được hưởng sự hỗ trợ tài chính phù hợp, các dự án sử dụng phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ hoặc năng lượng sinh học sẽ được triển khai nhiều hơn, qua đó góp phần hình thành nền sản xuất nông nghiệp với lượng phát thải ròng thấp hơn trên mỗi đơn vị sản phẩm. Vì vậy, cần bổ sung cơ chế ưu đãi và hỗ trợ đối với dự án sử dụng phụ phẩm nông nghiệp (rơm rạ, trấu, bã mía, lõi ngô, bã cà phê; phân gia súc, chất thải chăn nuôi; phụ phẩm thủy sản) để sản xuất phân hữu cơ, khí sinh học, nhiên liệu, điện sinh khối và các sản phẩm tuần hoàn khác đạt chuẩn quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Mức ưu đãi có thể được tính toán dựa trên quy định hiện hành tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, thu nhập của dự án này có thể được áp dụng thuế suất ưu đãi và miễn/giảm thuế theo Điều 13 và Điều 14 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 (thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với dự án thuộc ngành nghề ưu đãi; miễn tối đa 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo).

*Hai là*, ban hành quy định về hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho nông dân. Việc áp dụng các mô hình canh tác phát thải thấp (như tưới ngập khô xen kẽ, sử dụng phân bón tiết kiệm hoặc chuyển đổi giống lúa) có thể làm phát sinh chi phí đầu tư ban đầu, rủi ro giảm năng suất trong giai đoạn đầu hoặc thay đổi tập quán sản xuất. Vì vậy, Nhà nước cần quy định cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, tín dụng xanh và bảo hiểm nông nghiệp cho nông dân

khí tham gia dự án nông nghiệp các bon thấp và thị trường các bon.

Tóm lại, hoàn thiện các quy định về ưu đãi, hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp đòi hỏi cách tiếp cận tổng thể, đồng bộ, kết hợp cả ưu đãi tài chính, hỗ trợ kỹ thuật, chính sách thị trường và cơ chế pháp lý gắn với thị trường các bon. Chỉ khi có một hệ thống ưu đãi, hỗ trợ toàn diện, nông nghiệp các bon thấp mới có thể được triển khai rộng rãi, đóng góp hiệu quả vào mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững của Việt Nam.

#### *4.3. Hoàn thiện các quy định hướng dẫn kỹ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định khí nhà kính phù hợp cho ngành nông nghiệp*

Để hoàn thiện các quy định hướng dẫn kỹ thuật về MRV phù hợp cho ngành nông nghiệp, Việt Nam nên cân nhắc triển khai hai giải pháp sau:

*Một là*, ban hành văn bản pháp luật riêng hướng dẫn về MRV trong trồng trọt. Thực tế đã cho thấy, trồng trọt, đặc biệt là canh tác lúa nước, đóng góp phần lớn lượng phát thải CH<sub>4</sub>. Tuy nhiên, cho đến nay Việt Nam vẫn chưa có văn bản pháp luật điều chỉnh riêng về hệ thống MRV cho trồng trọt. Hiện hoạt động này mới chỉ được thực hiện theo quy định chung trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Các văn bản này tuy đã đặt nền móng cho hệ thống MRV quốc gia nhưng chưa đi sâu vào đặc thù kỹ thuật của ngành trồng trọt. Bên cạnh các văn bản trên, trong

lĩnh vực chăn nuôi hiện đã có Thông tư số 19/2024/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2024 quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực chăn nuôi và Thông tư số 26/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực chăn nuôi hướng dẫn riêng. Tuy nhiên, trồng trọt là lĩnh vực vốn có quy mô phát thải lớn hơn lại đang bị bỏ ngỏ. Do đó, việc ban hành một thông tư riêng về MRV trong trồng trọt là cần thiết nhằm tạo hành lang pháp lý rõ ràng, thống nhất cho hoạt động đo đạc, báo cáo và thẩm định trong toàn ngành. Một số vấn đề chính cần được điều chỉnh trong thông tư này là: 1) quy định hướng dẫn xây dựng hệ số phát thải quốc gia Tier2<sup>10</sup> cho trồng lúa; 2) hướng dẫn riêng cho các vùng trọng điểm (như đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, vốn là trọng tâm của nông nghiệp các bon thấp); 3) hướng dẫn chi tiết về cách đo, tần suất và độ sâu mực nước ruộng để xác định chính xác lượng phát thải CH<sub>4</sub>; 4) hướng dẫn cụ thể mẫu báo cáo MRV thống nhất cho trồng trọt; 5) quy định rõ trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...

*Hai là*, ban hành quy định hướng dẫn lấy mẫu phân tầng trong kiểm kê khí nhà kính

của lĩnh vực nông nghiệp. Đây được xem là hướng đi phù hợp đối với Việt Nam, nơi đa số hộ nông dân có quy mô sản xuất nhỏ lẻ và phân tán. Nếu chỉ áp dụng ngưỡng kỹ thuật cao thì phần lớn nông hộ và hợp tác xã sẽ không nằm trong diện kiểm kê, trong khi đây lại là nhóm chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu phát thải của ngành<sup>11</sup>. Ngược lại, việc yêu cầu từng hộ nông dân tự thực hiện đo đạc, báo cáo và thẩm định lại không khả thi do chi phí quá lớn và hạn chế về năng lực kỹ thuật. Bởi vậy, phương pháp lấy mẫu phân tầng theo loại cây trồng, vật nuôi và điều kiện sinh thái là giải pháp dung hoà giữa tính toàn diện và khả thi. Theo phương pháp này, dữ liệu thu thập từ các mẫu đại diện có thể suy rộng cho toàn bộ nhóm hộ có điều kiện tương đồng, vừa đảm bảo độ tin cậy vừa giảm chi phí hành chính. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với hướng dẫn của Ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu về kiểm kê khí nhà kính trong lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp, trong đó nhấn mạnh rằng có thể kết hợp dữ liệu điều tra lấy mẫu để cải thiện độ chính xác<sup>12</sup>. Bên cạnh đó, việc lấy mẫu ở cấp hợp tác xã hoặc tiểu vùng sinh thái còn nâng cao vai trò của hợp tác xã như một đầu mối thực hiện kiểm kê khí nhà kính, vừa giảm gánh nặng cho từng hộ nông dân, vừa tạo cơ chế minh bạch

<sup>10</sup> Giá trị hệ số phát thải được quốc gia tự xây dựng dựa trên nghiên cứu, đo đạc thực tế trong điều kiện sinh thái nông nghiệp của quốc gia, thay thế cho hệ số mặc định Tier 1 của Ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu.

<sup>11</sup> Nguyen, T. H. et al. (2025), t.lđđ.

<sup>12</sup> IPCC, 2019 *Refinement to the 2006 IPCC Guidelines for National Greenhouse Gas Inventories - Volume 4: Agriculture, Forestry and Other Land Use (AFOLU)*, Intergovernmental Panel on Climate Change, <https://www.ipcc-nggip.iges.or.jp/public/2019rf/vol4.html>, truy cập 27/8/2025.

hoá dữ liệu để tham gia thị trường các bon. Nói cách khác, giải pháp lấy mẫu phân tầng không chỉ khắc phục được hạn chế của quy định ngưỡng kỹ thuật hiện hành mà còn góp phần tạo cơ sở pháp lý, khoa học và thể chế để bảo đảm sự tham gia của nông hộ vào tiến trình nông nghiệp các bon thấp. Khi lượng phát thải từ trồng trọt, chăn nuôi được đo đạc và thẩm định minh bạch, nông dân và doanh nghiệp có thể nhận tín chỉ các bon, từ đó khuyến khích chuyển đổi sang mô hình sản xuất bền vững.

#### *4.4. Hoàn thiện các quy định về đảm bảo sự gắn kết giữa sinh kế bền vững của nông dân/hợp tác xã với phát triển nông nghiệp các bon thấp*

Nếu các quy định pháp luật chỉ tập trung vào mục tiêu giảm phát thải mà thiếu quan tâm đến đời sống, sinh kế của người nông dân thì phát triển nông nghiệp các bon thấp sẽ khó bền vững. Việc thiết kế chính sách bảo đảm cân bằng giữa giảm phát thải và phát triển kinh tế hộ gia đình, chú trọng đào tạo kỹ năng, chuyển giao công nghệ cho nông dân, giúp họ chủ động thích ứng mà không phụ thuộc vào trợ cấp lâu dài. Việc gắn nông nghiệp các bon thấp với sinh kế nông thôn sẽ biến giảm phát thải từ mục tiêu bắt buộc trở thành cơ hội phát triển kinh tế-xã hội. Để làm được điều đó, việc hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành nên thực hiện theo hai nhóm giải pháp cơ bản sau:

*Thứ nhất*, bổ sung các quy định về chia sẻ lợi ích tín chỉ các bon.

Thực hiện giải pháp này, một tỉ lệ nhất định lợi ích thu được từ giao dịch tín chỉ các bon do triển khai nông nghiệp các bon thấp

nên được phân bổ trực tiếp cho nông dân tham gia dự án. Quy định này sẽ bảo đảm nông dân được hưởng lợi chính đáng từ nỗ lực giảm phát thải, đồng thời khuyến khích họ duy trì và nhân rộng các mô hình canh tác ít các bon. Ngoài ra, cơ chế công khai thông tin về giá bán, chi phí và tỉ lệ phân bổ cần được đưa vào hệ thống đăng ký quốc gia về tín chỉ các bon nhằm ngăn ngừa tình trạng thiếu minh bạch. Nhà nước cần thiết lập cơ chế phân chia lợi ích công bằng dựa trên tỉ lệ đóng góp thực tế. Ví dụ, nông dân sử dụng đất và thay đổi phương thức canh tác theo mô hình các bon thấp thì phải được hưởng phần lớn lợi ích từ tín chỉ các bon được tạo ra. Doanh nghiệp hoặc tổ chức trung gian chỉ được hưởng phần chi phí quản lý, giám sát và chứng nhận. Cơ chế này không những bảo đảm sự công bằng mà còn tạo động lực kinh tế khuyến khích nông dân tham gia vào các nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, cách phân chia lợi ích này đã được áp dụng thành công trong nhiều dự án nông nghiệp. Việc quy định quyền được chia sẻ lợi ích các bon cho nông dân thực hiện dự án của Kenya là một ví dụ cụ thể. Đây là dự án được triển khai bởi Vi Agroforestry, Quỹ Bio Carbon Fund của Ngân hàng thế giới và đối tác UNIQUE rừng và sử dụng đất. Theo dự án này, việc phân chia lợi ích từ tín chỉ các bon được thực hiện như sau: 60% doanh thu từ tín chỉ các bon được chuyển trực tiếp cho các nhóm nông dân tham gia; 40% còn lại dùng để chi trả chi phí quản lý hành chính và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật<sup>13</sup>.

<sup>13</sup> Vi Agroforestry (2019), *Kenya Agricultural Carbon*

Với Việt Nam, việc ban hành các quy định chia sẻ lợi ích tín chỉ các bon không chỉ củng cố niềm tin và sự tham gia của nông dân, lực lượng chủ chốt trong giảm phát thải nông nghiệp mà còn bảo đảm lợi ích kinh tế từ thị trường các bon gắn liền với công bằng xã hội và phát triển bền vững. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để Việt Nam thực hiện thành công mục tiêu trung hoà các bon đến năm 2050, đồng thời đảm bảo sinh kế và thu nhập của hàng triệu hộ nông dân trên phạm vi cả nước.

*Thứ hai*, quy định cụ thể quyền tài sản gắn với lợi ích các bon trong nông nghiệp.

Lợi ích các bon (carbon benefit) được hiểu là giá trị kinh tế được tạo ra từ việc giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính được đo lường và xác nhận dưới dạng tín chỉ các bon. Nếu không được quy định một cách minh bạch, lợi ích này có thể bị chiếm dụng bởi các tổ chức trung gian, khiến chủ thể trực tiếp tạo ra tín chỉ các bon không được thụ hưởng công bằng. Vì vậy, cần ban hành quy định công nhận lợi ích các bon như một dạng quyền tài sản gắn với đất canh tác của nông dân. Theo đó, có thể mở rộng phạm vi quyền tài sản bao gồm cả lợi ích các bon, tương tự cách công nhận quyền sở hữu tín chỉ các bon như một loại hàng hoá vô hình. Nhờ đó, người quản lí và trực tiếp tạo ra lượng giảm phát thải hợp pháp sẽ có quyền hưởng lợi ích các bon. Điều này càng trở nên đặc biệt quan trọng

khi các dự án giảm phát thải nông nghiệp thường được triển khai theo cơ chế liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân. Nếu không làm rõ, lợi ích các bon có thể tập trung vào phía doanh nghiệp hoặc tổ chức quản lí dự án, trong khi nông dân chỉ nhận phần hỗ trợ kĩ thuật, dẫn đến bất bình đẳng trong phân chia lợi ích và triệt tiêu động lực tham gia của nông dân. Khi lợi ích các bon được công nhận là tài sản, nông dân sẽ có cơ sở pháp lí để tham gia giao dịch, thế chấp hoặc góp vốn bằng tín chỉ các bon phát sinh từ chính hoạt động canh tác của họ. Ngoài ra, việc quy định lợi ích các bon là quyền tài sản cũng giúp nâng cao tính minh bạch trong hệ thống đăng kí quốc gia về tín chỉ các bon. Thông tin về quyền sở hữu, giao dịch, thế chấp hoặc chuyển nhượng tín chỉ được ghi nhận chính thức sẽ tránh nhiều tranh chấp có thể nảy sinh, đồng thời bảo vệ quyền lợi của nông dân.

### **Kết luận**

Nông nghiệp các bon thấp là hướng đi tất yếu nhằm giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh. Tại Việt Nam, mặc dù đã có những nền tảng pháp lí quan trọng như Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các nghị định, thông tư liên quan, nhưng hệ thống pháp luật về nông nghiệp các bon thấp vẫn còn nhiều hạn chế, đòi hỏi phải hoàn thiện để đảm bảo một hành lang pháp luật toàn diện và minh bạch hơn. Trước hết, cần mở rộng và điều chỉnh hợp lí quy định về đối tượng thực hiện kiểm kê khí nhà kính trong nông nghiệp, bảo đảm phản ánh đúng các nguồn phát thải lớn như trồng lúa nước.

---

*Project (KACP), [https://www.viagroforestry.org/app/uploads/2019/09/kacp\\_viagroforestry\\_final.pdf](https://www.viagroforestry.org/app/uploads/2019/09/kacp_viagroforestry_final.pdf), truy cập 27/8/2025.*

Đồng thời, các hướng dẫn MRV phù hợp với đặc thù phân ngành trồng trọt; các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ chuyển đổi cần được ban hành hoặc cụ thể hoá. Đặc biệt, vấn đề bảo đảm công bằng trong phân chia lợi ích từ tín chỉ các bon cũng cần được chú trọng, giúp nông dân và cộng đồng địa phương có thêm động lực tham gia vào lĩnh vực này. Thực hiện tốt các giải pháp đó sẽ góp phần bảo đảm mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đồng thời nâng cao vị thế nông nghiệp Việt Nam trong tiến trình phát triển bền vững toàn cầu./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Norse, D. (2012), *Low-carbon agriculture: Objectives and policy pathways*, Agricultural & Food Security/Environmental Development.
2. UNFCCC, *Land use, land-use change and forestry (LULUCF)*, <https://unfccc.int/topics/land-use/workstreams/land-use--land-use-change-and-forestry-lulucf>
3. Lipper, L., & Zilberman, D. (2018), *Climate Smart Agriculture: Building Resilience to Climate Change*. Springer.
4. Hai Van, D. T., Oanh, N. T. K., Yen, N. T. B. (2025), *A Survey-Based Emission Inventory of Greenhouse Gases Released from Rice Production on Consolidated Land in the Red River Delta of Vietnam*. *Atmosphere*, 16(7), 794, doi:10.3390/atmos16070794
5. Bộ Công thương (2023), *Phát triển bền vững một triệu ha lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, [https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/phat-trien-ben-vung-mot-trieu-hec-ta-chuyen-canh-lua-chat-luong-cao-va-phat-thai-thap-gan-voi-tang-truong-xanh-vung-dong.html](https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/phat-trien-ben-vung-mot-trieu-hec-ta-chuyen-canh-lua-chat-luong-cao-va-phat-thai-thap-gan-voi-tang-truong-xanh-vung-dong-bang-gan-voi-tang-truong-xanh-vung-dong.html)
6. Chu Sỹ Huân & Mai Văn Trinh (2018), “Nghiên cứu khả năng giảm phát thải khí nhà kính ruộng lúa theo một số biện pháp canh tác tại tỉnh Thái Bình”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, số 09(94).
7. IPCC, *2019 Refinement to the 2006 IPCC Guidelines for National Greenhouse Gas Inventories - Volume 4: Agriculture, Forestry and Other Land Use (AFOLU)*, Intergovernmental Panel on Climate Change, <https://www.ipcc-nggip.iges.or.jp/public/2019rf/vol4.html>
8. Vi Agroforestry (2019). *Kenya Agricultural Carbon Project (KACP)*. [https://www.viagroforestry.org/app/uploads/2019/09/kacp\\_vagroforestry\\_final.pdf](https://www.viagroforestry.org/app/uploads/2019/09/kacp_vagroforestry_final.pdf)
9. Nguyen, T. H. et al. (2025), *A Survey-Based Emission Inventory of Greenhouse Gases Released from Rice Production on Consolidated Land in the Red River Delta of Vietnam*. *Atmosphere*, 16(7), 794, <https://doi.org/10.3390/atmos16070794>
10. Pham, Q. A. & Nguyen, T. T. (2025), *Determinants of Household Carbon Emissions: An Empirical Study in Vietnam*, *SAGE Open*, <https://doi.org/10.1177/21582440251359417>
11. Nguyễn Quang Tuyên, Trần Đức Thịnh (2019), “Sử dụng đất manh mún - rào cản trong tiếp cận đất đai và sự phát triển của thị trường bất động sản nông nghiệp”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 7.